

Số: 06/2018/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 06 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 năm 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 2377/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đối với việc mua sắm, thuê, xử lý tài sản công và phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước;

b) Đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại và tài sản công khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

b) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại), hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định mua sắm tài sản công (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này), hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

e) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc mua sắm tài sản công, hàng hóa, dịch vụ theo quy định hiện hành (trừ Điểm a Khoản 1 Điều này) từ nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác (ngoài dự toán được giao của các cơ quan, đơn vị).

b) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương:

quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan đơn vị (trừ Điểm a Khoản 2 Điều này) từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thuê trụ sở làm việc và tài sản khác phục vụ hoạt động của các đơn vị thuộc cấp mình quản lý từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ Điểm a Khoản 2 Điều này) từ nguồn kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định việc thuê tài sản theo quy định hiện hành (trừ Điểm a, Khoản 2 Điều này) từ nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản công khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a Khoản 3 Điều này) của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

c) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a Khoản 3 Điều này) của các đơn vị thuộc cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thu hồi tài sản công (trừ Điểm a Khoản 3 Điều này) do cấp mình quản lý.

4. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định điều chuyển trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và tài sản công khác trên 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 4 Điều này) giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; giữa cấp tỉnh và huyện, thị xã, thành phố; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

c) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 4 Điều này) trong nội bộ hoặc các đơn vị trực thuộc đối với tài sản do cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định điều chuyển tài sản công (trừ Điểm a Khoản 4 Điều này) trong nội bộ huyện, thị xã, thành phố do cấp mình quản lý.

5. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại, tài sản công khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a Khoản 5 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

c) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a Khoản 5 Điều này) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a Khoản 5 Điều này) do cấp mình quản lý.

đ) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định bán tài sản công (trừ Điểm a Khoản 5 Điều này và xe mô tô) có nguyên giá dưới 50 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do mình quản lý.

e) Riêng tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn gốc vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản.

6. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại, tài sản công khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 6 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

c) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 6 Điều này) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 6 Điều này) do cấp mình quản lý.

đ) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Quyết định thanh lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 6 Điều này và xe mô tô) có nguyên giá dưới 50 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do mình quản lý.

7. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

c) Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định tiêu hủy tài sản công nguyên giá dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do cấp mình quản lý.

8. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định xử lý tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô các loại và tài sản công khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

b) Giám đốc Sở Tài chính: Quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 8 Điều này) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản.

c) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và tương đương: Quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 8 Điều này) có nguyên giá dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản hoặc trên 01 lô tài sản do cấp mình quản lý.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định xử lý tài sản công (trừ Điểm a Khoản 8 Điều này) do cấp mình quản lý.

đ) Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc phê duyệt phương án điều chuyển tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước cho cơ quan, tổ chức đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thì thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2010/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hậu Giang.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN-TPHCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Huỳnh Thanh Tạo